

Vietnam Daily Review

Nhóm cổ phiếu lớn nâng đỡ thị trường

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/5/2021		•	
Tuần 3/5-7/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex sụt giảm ngay từ đầu phiên nhưng sau đó hồi phục dần trở lại và đóng cửa với mức tăng nhẹ. Dòng tiền đầu tư giảm nhẹ và chỉ còn 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên hôm trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể vẫn ở trong trạng thái dao động trong kênh giá đi ngang dưới ngưỡng 1250 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao tăng nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: HLD_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.81** điểm, đóng cửa **1242.2**. HNX-Index **-4.04** điểm, đóng cửa **277.71**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.37); TCB (+2.36); CTG (+2.29); HPG (+1.54); MBB (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.03); SAB (-0.97); VCB (-0.88); MSN (-0.64); HVN (-0.6)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,791** tỷ đồng, **+3.88%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,481 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 30.24 điểm. Thị trường có **154** mã tăng, 35 mã tham chiếu và **263** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-637.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-356.7 tỷ), VPB (-189.3 tỷ) và KBC (-56.1 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1242.20**
Giá trị: 18791.53 tỷ **2.81 (0.23%)**
Khối ngoại (ròng): -637.55 tỷ

HNX-INDEX **277.71**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-4.04 (-1.43%)**
Khối ngoại (ròng): -19 tỷ

UPCOM-INDEX **79.86**
Giá trị: 573.9 tỷ **-0.82 (-1.02%)**
Khối ngoại(ròng): 7.32 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	65.1	0.88%
Giá vàng	1,789	-0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,069	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	27,787	-0.65%
Tỷ giá JPY/VND	21,094	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	18.61%
LS TPCP 5 năm	1.3%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	92.4	HPG	-356.7
NVL	74.6	VPB	-189.3
MSN	26.8	KBC	-56.1
HSG	17.8	VRE	-53.0
MBB	17.4	KDH	-49.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 4/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	64.93	0.68%	3.20%	5.60%	90.41%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.00	0.65%	3.20%	5.50%	85.29%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	213.38	1.54%	5.20%	5.90%	101.26%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1789.57	-0.18%	0.70%	3.50%	3.43%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.94	0.12%	2.50%	7.70%	69.69%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1539.00	0.98%	1.30%	10.20%	82.29%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	726.25	1.15%	-0.90%	19.00%	36.00%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.04	-0.73%	-1.20%	3.20%	21.51%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	225.79	1.14%	2.80%	3.30%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.86	0.78%	-5.00%	14.50%	49.20%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	140.25	0.00%	-3.90%	13.50%	22.33%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9825.00	-0.61%	2.90%	10.80%	92.27%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	836.77	0.05%	3.60%	12.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	884.80	-0.37%	3.30%	11.90%			
Nhôm	USD/ton	2397.00	-0.83%	1.40%	5.80%	61.20%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	171.20	-1.99%	1.40%	17.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	90.90	1.22%	7.00%	5.20%	45.09%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 7 US cent hay 0.1% xuống 67.49 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 6 US cent hay 0.1% xuống 64.43 USD/thùng. Dầu giảm nhẹ bởi áp lực chốt lời sau khi tăng khá tích cực hơn 1% tại ngày đầu tuần.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,788.89 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.1% xuống 1,789.4 USD/ounce.

	4/5	% 4/5	3/5	% 3/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1242.20	0.23%	1239.39	0.80%	-0.51%	4.71%
S&P 500			4192.66	0.27%	0.12%	5.53%
HĐTL S&P500	4179.50	-0.15%	4185.80	0.27%	0.01%	4.23%
Shang- hai	3446.86	-0.81%	3474.90	0.52%	-0.79%	-0.28%
Euro Stoxx	3994.19	-0.15%	4000.25	0.64%	-0.44%	1.91%

Phân tích kỹ thuật

HLD_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: HLD đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại sau khi điều chỉnh ngắn hạn về quanh khu vực 28 vào nửa đầu tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu sẽ tiếp tục củng cố đà tăng. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của HLD nằm tại khu vực xung quanh 29.5-30. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 35.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 28.2 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

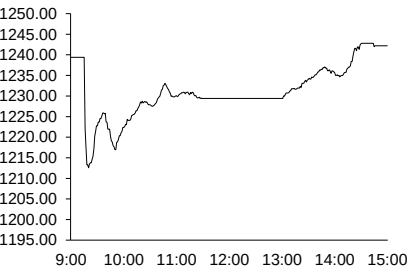
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-2.56%
Thực phẩm và đồ uống	-2.21%
Bảo hiểm	-2.05%
Xây dựng và Vật liệu	-1.69%
Dầu khí	-1.57%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.18%
Hóa chất	-1.17%
Bán lẻ	-0.92%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.92%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.29%
Viễn thông	0.00%
Dịch vụ tài chính	0.53%
Bất động sản	0.58%
Y tế	0.75%
Ngân hàng	0.98%
Ô tô và phụ tùng	1.00%
Công nghệ Thông tin	1.92%
Truyền thông	2.08%
Tài nguyên Cơ bản	2.65%

Hình 1

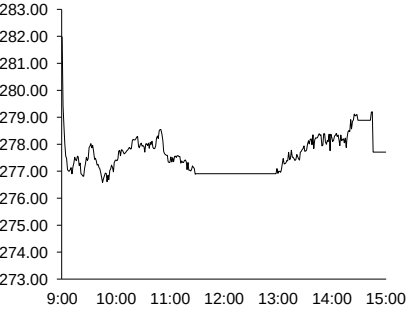
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	38.5	5	6.06%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.1	6	-1.13%	Có thể tiếp tục mua
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	31.75	7	-9.42%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	26	14	7.66%	Có thể tiếp tục mua
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	59.8	18	9.52%	Cần nhắc không mua thêm (**)
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	27.5	19	8.48%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	43.4	22	2.97%	Có thể tiếp tục mua
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	82.9	25	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.9	35	0.15%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.6	71	-4.23%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:

(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt

(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	SL	21	-13.29%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%

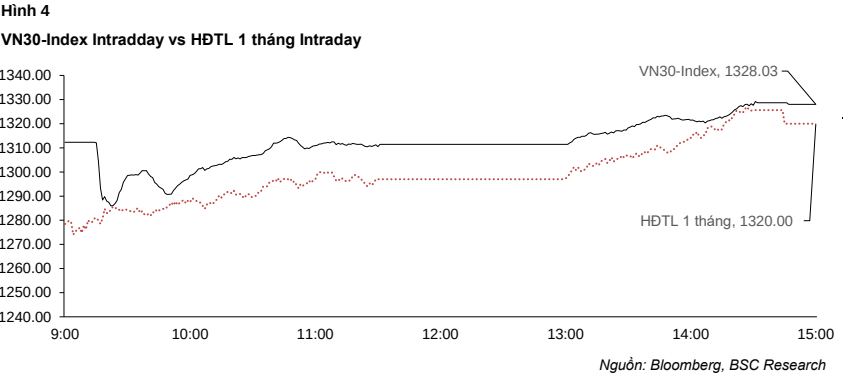
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất

TP - Đã chốt lời
SL - Đã cắt lỗ

FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	3	5.12%	-4.92%	2.10%	22
Cổ phiếu đã chốt	133	81	13.32%	-7.98%	5.26%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1320.00	1.46%	-8.03	0.1%	193,972	5/20/2021	18
VN30F2106	1318.40	-0.06%	-9.63	-18.5%	463	6/17/2021	46
VN30F2109	1317.90	1.69%	-10.13	-39.6%	90	9/16/2021	137
VN30F2112	1313.00	1.67%	-15.03	58.6%	92	12/16/2021	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +15.75 điểm, lên 1328.03 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, HPG, TCB, NVL, CTG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng xuống dưới 1290 điểm, sau đó giành phần lớn thời gian giao dịch hồi phục tích cực lên gần 1330 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2102	7/6/2021	63	2:1	704,500	34.24%	2,300	6,720	26.79%	3,956	1.70	57,200	48,000	43,400
CTCB2103	8/9/2021	97	2:1	759,700	34.24%	2,900	7,850	22.08%	4,361	1.80	41,300	35,500	43,400
CHPG2104	7/5/2021	62	3:1	386,800	32.90%	1,500	8,000	17.65%	5,132	1.56	49,300	44,800	59,800
CMBB2101	7/6/2021	63	2:1	733,500	32.69%	1,600	5,650	16.49%	2,799	2.02	29,200	26,000	31,250
CHPG2105	8/9/2021	97	2:1	397,900	32.90%	3,000	13,640	15.11%	9,187	1.48	48,000	42,000	59,800
CTCB2101	10/5/2021	154	1:1	251,600	34.24%	5,000	16,300	14.79%	3,975	4.10	36,000	31,000	43,400
CHPG2102	7/5/2021	62	1:1	106,200	32.90%	6,600	24,000	14.29%	19,134	1.25	47,600	41,000	59,800
CSTB2103	8/9/2021	97	2:1	770,100	41.79%	1,400	6,350	13.39%	3,242	1.96	20,800	18,000	24,100
CHPG2103	7/6/2021	63	2:1	394,700	32.90%	3,900	11,810	10.89%	9,076	1.30	49,800	42,000	59,800
CVPB2103	8/9/2021	97	2:1	199,700	37.43%	2,700	12,500	9.46%	11,735	1.07	41,900	36,500	59,500
CTCB2012	7/30/2021	87	1:1	546,100	34.24%	5,400	21,760	8.75%	21,648	1.01	27,400	22,000	43,400
CHPG2018	5/14/2021	10	4:1	1,272,300	32.90%	1,200	7,460	5.67%	7,460	1.00	34,799	29,999	59,800
CVPB2015	7/30/2021	87	1:1	124,000	37.43%	5,600	34,000	3.66%	33,793	1.01	31,600	26,000	59,500
CMBB2010	6/14/2021	41	1:1	256,600	32.69%	4,600	15,300	3.10%	15,335	1.00	20,600	16,000	31,250
CSTB2014	6/14/2021	41	1:1	267,600	41.79%	3,800	12,300	2.07%	12,164	1.01	15,800	12,000	24,100
CSTB2010	6/11/2021	38	2:1	373,300	41.79%	1,100	6,100	0.66%	6,080	1.00	14,199	11,999	24,100
CNVL2003	6/11/2021	38	10:1	921,200	28.79%	1,000	6,950	0.00%	6,784	1.02	73,979	63,979	131,500
CMWG2016	6/10/2021	37	10:1	900,000	29.39%	1,700	3,440	-0.29%	3,193	1.08	125,000	108,000	139,400
CVRE2013	7/30/2021	87	1:1	336,900	33.55%	5,000	8,390	-0.71%	4,625	1.81	32,500	27,500	31,300
Tổng				9,702,700	34.67%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 4/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao tăng nhẹ.
- CTCB2102 và CTCB2103 tăng mạnh lần lượt là 26.79% và 22.08%. Trái lại, CREE2006 và CVRE2009 giảm mạnh lần lượt là -12.36% và -9.57%. Giá trị giao dịch tăng 0.76%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.43% thị trường.
- CHPG2026, CREE2006, CVPB2102, CHPG2018, và CSTB2010 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2003, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CMWG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	139.4	-1.1%	1.0	2,882	4.4	8,654	16.1	4.1	50.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	95.2	-2.9%	1.0	941	1.2	4,974	19.1	3.8	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	55.6	-3.0%	1.5	1,794	2.8	2,087	26.6	2.1	27.3%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.6	0.0%	0.5	317	0.0	3,809	8.6	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	133.6	2.0%	0.7	19,648	9.8	2,174	61.4	5.6	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.3	-2.2%	1.1	3,092	9.8	1,175	26.6	2.4	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	99.2	-0.1%	1.1	14,188	18.7	7,874	12.6	3.6	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	22.9	-2.3%	1.3	516	5.4	(61)		1.8	33.2%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	32.9	0.9%	1.4	924	14.0	2,094	15.7	2.0	46.0%	13.1%
VCI	Chứng khoán	62.2	0.2%	1.0	448	1.9	5,703	10.9	2.1	24.5%	22.1%
HCM	Chứng khoán	31.3	2.0%	1.5	415	4.0	2,462	12.7	2.0	47.4%	16.4%
FPT	Công nghệ	82.9	2.5%	0.9	2,844	8.4	4,718	17.6	3.9	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	77.0	-0.1%	0.4	916	0.0	5,165	14.9	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	83.3	-0.2%	1.3	6,932	3.4	3,946	21.1	3.2	2.6%	14.9%
PLX	Dầu khí	49.7	-1.3%	1.5	2,685	2.4	723	68.7	2.9	16.2%	4.5%
PVS	Dầu khí	19.7	-2.0%	1.6	409	4.7	1,306	15.1	0.8	8.4%	5.1%
BSR	Dầu khí	14.3	-2.7%	0.8	1,928	4.3	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	102.7	2.9%	0.4	584	0.2	5,647	18.2	3.6	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.7	-1.8%	0.7	318	0.7	1,928	9.7	0.9	14.5%	9.4%
DCM	Hóa chất	15.9	-0.6%	0.6	366	1.1	1,122	14.2	1.3	3.5%	9.4%
VCB	Ngân hàng	99.1	-0.9%	1.1	15,980	6.4	4,975	19.9	3.9	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	41.3	0.7%	1.3	7,222	3.9	2,048	20.2	2.1	16.8%	10.6%
CTG	Ngân hàng	43.0	5.4%	1.3	6,961	46.6	3,678	11.7	1.9	26.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	59.5	1.7%	1.2	6,350	62.2	4,626	12.9	2.6	23.2%	22.5%
MBB	Ngân hàng	31.3	3.0%	1.2	3,803	32.6	3,612	8.7	1.7	22.9%	21.6%
ACB	Ngân hàng	34.5	-0.6%	0.9	3,238	13.9	3,992	8.6	2.0	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	59.1	-0.3%	0.7	210	0.2	6,160	9.6	2.0	81.4%	20.3%
NTP	Nhựa	36.3	1.4%	0.5	186	0.1	3,988	9.1	1.6	18.9%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.3	-3.0%	0.7	922	0.6	39	494.9	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	59.8	2.9%	1.1	8,615	83.6	5,476	10.9	3.0	30.1%	31.3%
HSG	Thép	33.6	5.8%	1.3	650	26.6	5,262	6.4	1.9	7.5%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	91.6	-2.0%	0.7	8,323	16.4	4,682	19.6	6.1	55.5%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	161.2	-3.5%	0.8	4,495	2.0	7,561	21.3	5.2	63.0%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	95.9	-2.1%	1.0	4,898	9.7	1,281	74.9	7.0	32.7%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.8	-1.3%	1.2	530	2.7	946	20.9	1.6	8.2%	7.4%
ACV	Vận tải	70.9	-2.2%	0.8	6,711	0.5	577	122.9	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	124.0	-0.7%	1.1	2,920	2.8	132		4.3	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	27.3	-5.9%	1.7	1,683	1.8	(7,705)		6.1	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	33.9	-0.9%	1.0	444	2.2	1,149	29.5	1.7	38.3%	5.8%
PVT	Vận tải	16.2	0.0%	1.3	228	1.4	2,281	7.1	1.0	12.3%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.3	-0.8%	1.0	621	0.6	8,257	10.8	3.7	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.9	-3.6%	0.4	680	0.4	1,604	21.8	2.4	6.5%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	-0.9%	0.9	269	0.4	1,566	10.3	1.1	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.2	-3.1%	1.0	201	1.0	4,158	15.0	0.6	44.9%	3.8%
CII	Xây dựng	20.0	-1.5%	0.5	208	1.2	1,030	19.4	1.0	30.5%	5.1%
REE	Điện	52.1	-2.8%	-1.4	700	1.1	5,770	9.0	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.5	-1.9%	-0.4	212	0.4	2,371	10.8	1.2	11.2%	13.8%
POW	Điện	12.1	-2.0%	0.6	1,227	5.1	1,037	11.6	1.0	3.6%	8.6%
NT2	Điện	20.7	-2.4%	0.5	259	0.2	1,872	11.1	1.4	15.2%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	37.6	0.3%	1.1	767	9.2	1,639	22.9	1.7	21.9%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	56.0	0%	0.9	2,520	0.2			3.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	133.60	1.98	2.35	1.73MLN
TCB	43.40	5.85	2.24	31.75MLN
CTG	43.00	5.39	2.18	25.41MLN
HPG	59.80	2.93	1.50	33.00MLN
MBB	31.25	2.97	0.67	24.40MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-1.06	4.10MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-1.01	310300	607060
VCB	0.00	-0.89	1.52MLN	373600
MSN	0.00	-0.66	2.20MLN	192700
HVN	-0.01	-0.64	1.45MLN	611640

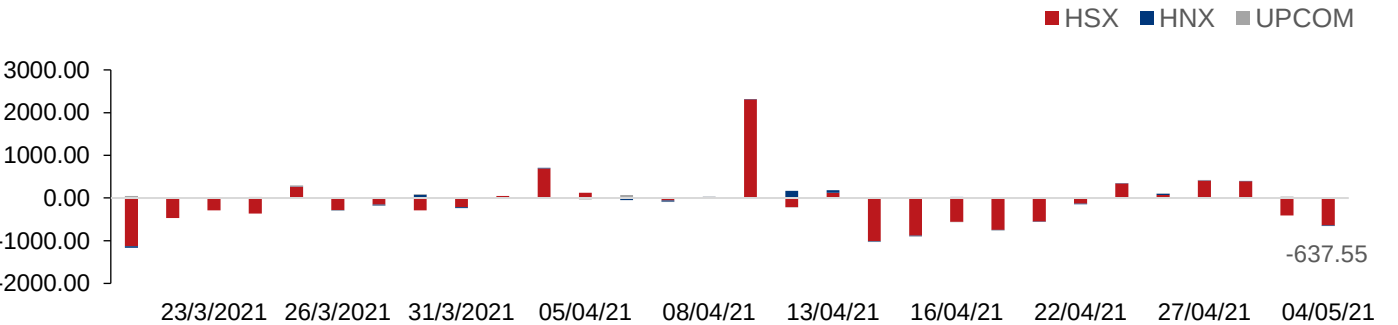
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTP	16.05	7.00	0.02	248800.00
GMC	28.35	6.98	0.02	8600
DCL	32.95	6.98	0.03	714900
VAF	10.85	6.90	0.01	11400
GIL	79.10	6.89	0.05	861200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	15.30	-6.99	0.00	700
HOT	30.60	-6.99	-0.01	200
MCG	3.07	-6.97	0.00	133000.00
HQC	3.61	-6.96	-0.03	24.14MLN
TNT	7.63	-6.95	0.00	359000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.0	1,387	11.5	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.5	3,992	8.6	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.9	577	122.9	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.0	4,043	6.7	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	43.0	3,678	11.7	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	53.2	13,880	3.8	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	74.6	6,330	11.8	2.7	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	119.0	7,653	15.6	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.7	1,928	9.7	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.0	2,379	10.9	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	22.9	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	82.9	4,718	17.6	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.9	1,149	29.5	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	39.2	6,175	6.3	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	59.8	5,476	10.9	3.0	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	33.6	5,262	6.4	1.9	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.2	1,566	10.3	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.6	1,639	22.9	1.7	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	37.0	2,140	17.3	2.5	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	21.5			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	34.6	3,258	10.6	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	95.9	1,281	74.9	7.0	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	139.4	8,654	16.1	4.1	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.5	4,008	9.6	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	51.0	7,080	7.2	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.5	1,830	13.4	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.2	4,974	19.1	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.1	1,037	11.6	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.6	0	120.6	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	19.7	1,306	15.1	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	161.2	7,561	21.3	5.2	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.8	946	20.9	1.6	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	43.4	4,074	10.7	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.1	4,975	19.9	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	40.8	4,166	9.8	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.5	570	25.4	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.1	3,837	9.4	1.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.6	4,682	19.6	6.1	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	99.2	7,874	12.6	3.6	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.3	943	26.8	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.9	600	16.5	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	126.0	9,476	13.3	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	59.5	4,626	12.9	2.6	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.3	1,175	26.6	2.4	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	80.5	4,060	19.8	5.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639